

HƯỚNG TỚI KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

NHẬN THỨC VỀ “TỰ DO” TRONG LÝ LUẬN PHÁT TRIỂN THỜI KỲ ĐỔI MỚI, KỶ NGUYÊN DÂN TỘC VƯỜN MÌNH, HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ HIỆN ĐẠI HÓA

Nguyễn Trọng Chuẩn^(*)

^(*) Giáo sư, tiến sĩ, Phó Chủ tịch Hội Triết học Việt Nam.

Email: nguyentrongchuan@yahoo.com

Tóm tắt: Tự do vừa là bản chất, vừa là thuộc tính cốt lõi của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng là giá trị nhân văn mà bất cứ một xã hội phát triển nào cũng đều cần hướng tới. Chỉ khi có dân chủ và tự do, con người mới có điều kiện để sáng tạo và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Với 6 thành tố “dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, nước mạnh, nhân dân hạnh phúc”, mục đích (hay mục tiêu) cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đầy đủ, vì trong đó không chỉ hàm chứa các yếu tố tạo nên động lực phát triển, mà còn thể hiện ước vọng, nhu cầu chính đáng của con người và của Đảng cùng toàn thể nhân dân Việt Nam.

Từ khóa: tự do, dân chủ, nhân văn, hạnh phúc.

Ngày nhận bài: 07/04/2025; ngày phản biện: 08/04/2025; ngày sửa chữa: 03/05/2025; ngày duyệt đăng: 23/06/2025.

1. Dân chủ và tự do là ước vọng ngàn đời của tất cả mọi người và mọi dân tộc trên trái đất này. Vào thời cổ đại, nhà triết học vĩ đại của nhân loại là *Plato* (427-347 TCN.) đã coi *mục đích* và *đặc điểm nổi bật* của thể chế *dân chủ* là *tự do*, coi “tự do là ưu điểm của xã hội dân chủ, vì thế đó là xã hội duy nhất [mà] người có tinh thần tự do thích sống” (*Plato* 2013: 589).

Sau *Plato*, *Aristotle* (384-322 TCN.) cũng đã chỉ ra rất đúng các động lực

vốn là chỗ dựa, là nền tảng của một nhà nước dân chủ, theo đó, “căn bản [nền tảng, cơ sở] của một nhà nước dân chủ là tự do”; tự do “là một đặc tính chỉ có được trong một nhà nước dân chủ, ... là cứu cánh cao cả của mọi nền dân chủ” (*Aristotle* 2013: 328, 329, 331).

C.Mác, người sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học, cũng đã từng khẳng định mạnh mẽ rằng, “tự do là cái vốn có của con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 1: 84). Đặc biệt,

C.Mác nhấn mạnh mang tính cảnh báo với mọi người rằng, “sự thiếu tự do là mối nguy hiểm chết người thật sự đối với con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 1: 99). Còn Ph.Ăngghen thì chỉ rõ rằng, “tự do là sản phẩm tất yếu của sự phát triển lịch sử” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1994, tập 20: 164). Điều đó cũng có nghĩa, tự do không tránh khỏi việc bị những giới hạn nhất định của lịch sử quy định.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen coi mục tiêu của cuộc cách mạng do giai cấp vô sản tiến hành không có gì khác hơn là, “thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó có sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 4: 628).

Tất cả những đánh giá và khẳng định trên đây của các vĩ nhân của nhân loại toát lên một điều rằng, từ xưa đến nay, thời nào cũng vậy, tự do luôn là một giá trị hết sức cao cả, là ước nguyện chính đáng, khát vọng cháy bỏng của con người. Khát vọng tự do thúc đẩy con người dấn thân trong mọi khó khăn, mọi hiểm nguy. Khát vọng ấy là động lực vô cùng mạnh mẽ có sức thúc đẩy cả một dân tộc vùng dậy, đứng lên trong cuộc đấu tranh để giành quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc. Những tấm

gương tiêu biểu cho lý tưởng ấy trong thế kỷ XX chính là cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và cuộc đấu tranh hết sức kiên cường và bất khuất của các chiến sĩ cách mạng cùng toàn thể dân tộc Việt Nam.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta những di sản vô cùng quý giá về nhiều mặt, trong đó có những tư tưởng và lý luận quan trọng về tự do làm cơ sở cho việc đặt ra mục tiêu đề phấn đấu xuyên suốt của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân ta trong quá trình giành độc lập, tiến hành các cuộc kháng chiến gian nan, phát triển đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời bình. Chẳng hạn, từ rất sớm, trong *Thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp* trước khi sang Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - đã tâm niệm rất rõ ràng là sẽ “trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành *tự do* độc lập” (Hồ Chí Minh 2011, tập 1: 209 - *TG. in nghiêng*). Tiếp đó, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Nguyễn Ái Quốc chủ trương “Về phương diện chính trị” thì “dân chúng được *tự do* tổ chức” (Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 1 - *TG. in nghiêng*). Trong *Chương trình tóm tắt của Đảng*, Nguyễn Ái Quốc yêu cầu “Đảng phổ biến khẩu hiệu “Việt Nam *tự do*” (Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 4 - *TG. in nghiêng*). Tại điểm 2 trong phần

Chính trị của Chương trình Việt Minh, Người nhấn mạnh: “*ban bố các quyền tự do dân chủ cho nhân dân*: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước, tự do xuất dương” (Hồ Chí Minh 2011, tập 3: 629). Như vậy, “tự do” đã được Người khẳng định là quyền không thể bác bỏ, quyền bất khả xâm phạm của con người trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Sau khi nước nhà vừa giành được độc lập, trong bài *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 187 - *TG. in nghiêng*). Có thể nói, đây là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt, đồng thời cũng là mục đích phấn đấu nhất quán cả đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoài ra Người không có mục đích nào khác. Bởi vậy, ngay từ buổi đầu dựng nước, khi nước nhà vừa mới giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*” (Hồ Chí Minh 2011, tập 15: 621).

Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, các giá trị *dân chủ, độc lập, tự do, hạnh phúc* có mối liên hệ gắn bó hết sức chặt chẽ với nhau. Mỗi chữ được Người sử

dụng đều mang hàm nghĩa sâu sắc, có cơ sở khoa học và cực kỳ chính xác, thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng; về trình tự những việc cần làm, những động lực cần thiết để đạt được các mục tiêu cốt yếu. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, *dân chủ, tự do* không những là *các quyền cơ bản* mà tất cả mọi người trong xã hội phải được thụ hưởng, mà còn là những quyền cần được luật pháp tôn trọng và ra sức bảo vệ. Đồng thời, điều không kém phần quan trọng đó chính là: *dân chủ, tự do* là những *động lực* vô cùng lớn lao, tạo điều kiện cho sự sáng tạo của con người nhằm đạt tới hạnh phúc thật sự. Con người nếu sống trong một đất nước mất tự do, không có dân chủ, thì không thể tự bộc lộ và càng không thể phát huy hết khả năng và sự sáng tạo của mình.

Ngay từ khi mới thành lập nước, việc đưa hai chữ **tự do** vào trong các văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước thể hiện rõ ý chí sắt đá của toàn thể dân tộc ta là được sống trong độc lập, tự do. Khẳng định đanh thép nhất về quyền bình đẳng và quyền tự do thể hiện rõ ràng trong bản *Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* ngày 2 tháng 9 năm 1945; theo đó, “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do ... đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 1).

Những điều khẳng định ấy góp phần nâng cao nhận thức, ý thức, nghĩa vụ và trách nhiệm nặng nề, nhưng đồng thời cũng chính là những động lực thôi thúc mỗi người dân và cả dân tộc đứng lên tranh đấu, vượt qua mọi khó khăn để quyết đạt cho bằng được mục đích cao cả đã được xác định. Đặc biệt, trong *Lời kêu gọi* đồng bào và chiến sĩ cả nước được truyền đi sáng ngày 17-7-1966, Hồ Chí Minh khẳng định một chân lý: “không có gì quý hơn độc lập, tự do”. *Dân chủ và tự do* không những là *các quyền* mà mọi người phải được hưởng, phải được luật pháp bảo vệ, mà còn là *những động lực* rất lớn lao, cực kỳ cần thiết nhằm tạo điều kiện để phát huy khả năng sáng tạo, kích thích sự phấn đấu, lao động và hy sinh quên mình của mỗi con người và của cả dân tộc. Con người sống trong một đất nước mất tự do, không có dân chủ thì không thể có sự sáng tạo, càng không thể sẵn sàng hy sinh quên mình vì đất nước.

2. Chúng ta đều biết, trong các bài viết cho đến tận cuối đời, đặc biệt là trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như trong các văn kiện của Đảng và của Nhà nước, trong lý luận về chủ nghĩa xã hội, về xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển con người, nhất là từ thời kỳ bắt đầu đổi mới, vấn đề tự do của con người luôn được đề cập một cách xuyên suốt và nhất quán coi trọng.

Tiếp thu và kế thừa các tư tưởng về tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tất cả các bản Hiến pháp với tư cách là Bộ luật cơ bản của đất nước, kể từ bản *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua ngày 09-11-1946 cho đến bản *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, đều ghi rõ về quyền tự do của con người và của mọi công dân Việt Nam. Cụ thể, bản Hiến pháp đầu tiên đã ghi nhận: đảm bảo các quyền tự do dân chủ. Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận; tự do xuất bản; tự do tổ chức và hội họp; tự do tín ngưỡng; tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài (Xem: Hiến pháp năm 1946: Điều 10).

Tất cả các bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiếp sau đó, từ bản năm 1992, mới nhất là bản năm 2013, đều ghi rất rõ quyền con người, các quyền tự do của con người. Cụ thể, về quyền tự do, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ: “công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước” (Điều 23); “mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào” (Khoản 1, Điều 24); “Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo” (Khoản 2, Điều 24); “không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo

để vi phạm pháp luật” (Khoản 3, Điều 24); “công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình” (Điều 25); trong lĩnh vực kinh tế, Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: “mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” (Điều 33); v.v..

Trong tất cả các kỳ Đại hội Đảng, con người luôn được xác định là chủ thể tích cực của mọi hoạt động, là chủ thể thực sự của các quá trình xã hội và là chủ thể sáng tạo duy nhất. Cho nên, dù con người được coi là một bộ phận cơ bản của lực lượng sản xuất, là “lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại”, nhưng tuyệt nhiên không bao giờ Đảng và Nhà nước ta coi con người chỉ như là những công cụ hay phương tiện. Trái lại, đối với Đảng và Nhà nước ta, phát triển con người chính là đề “*phát triển sự phong phú của bản chất con người, coi như là một mục đích tự thân*” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 26, phần II: 168) như C.Mác đã từng nói.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định và nhất quán với quan điểm cho rằng, *con người là vốn quý báu nhất và giữ vai trò quyết định sự thành bại của mọi hoạt động*, đặc biệt khi mà nguồn lực tài chính và

các nguồn lực vật chất khác còn thiếu thốn, còn hạn hẹp thì chính con người *là sức mạnh nội sinh* của bản thân dân tộc Việt Nam. Bởi vậy, Đại hội lần thứ VI của Đảng yêu cầu phải “*phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1987: 86).

Tiếp tục tinh thần đó, các Đại hội tiếp sau của Đảng đều thống nhất khẳng định tầm quan trọng của nhân tố con người đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Cụ thể, Đảng và Nhà nước xác định: “*sự nghiệp phát triển kinh tế đặt con người vào vị trí trung tâm, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1991: 115); đồng thời, “*lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1996: 85); bởi vậy, cần luôn chú trọng “*xây dựng các mục tiêu chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 1996: 190). Bài học về phát triển nhanh và bền vững được rút ra là: “*phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội*” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006: 179). Đặc biệt, Đại hội Đảng lần thứ IX nhấn mạnh, “*con người và nguồn nhân lực là nhân tố*

quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2001: 201). Do vậy, cần “đầu tư vào phát triển con người thông qua phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Đảm bảo nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công nghiệp hóa, hiện đại hóa” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2001: 331-332).

Đặc biệt, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “*con người* là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”. Do vậy, việc phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trở thành nhiệm vụ hết sức quan trọng; từ đó, trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta cần “quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và *sự phát triển tự do, toàn diện* của con người, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 239 - TG. in nghiêng).

Khi con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển, thì *sự tự do của con người trong mọi lĩnh vực hoạt động, quan trọng nhất là lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực chính trị*, luôn được xã hội tôn trọng và pháp luật kiên

quyết bảo vệ. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh tế, Đại hội lần thứ XI khẳng định: “phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 205). Cũng về quyền tự do trong lĩnh vực kinh tế, gần đây nhất, Đại hội Đảng lần thứ XIII một lần nữa xác định: “kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà luật pháp không cấm, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế mạnh, có sức cạnh tranh cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021, tập I: 130). Phải thừa nhận rằng, việc công nhận quyền tự do trong kinh tế này là yếu tố quan trọng, góp phần tạo động lực mạnh mẽ để con người chủ động, sáng tạo và phát huy hết khả năng, góp phần làm giàu cho đất nước.

Trong lĩnh vực đời sống chính trị và tinh thần, tất cả các kỳ Đại hội Đảng đều nhấn mạnh quyền tự do tôn giáo. Cụ thể, Đại hội IX khẳng định: “*tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo” (Đảng Cộng sản Việt Nam

2001: 128). Các văn kiện Đại hội X cũng ghi rõ: “Đồng bào *các tôn giáo* là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006: 122).

Từ những bài học quý giá rút ra từ lịch sử dân tộc, tất cả các Đại hội Đảng đều nhấn mạnh vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, theo đánh giá của Đại hội Đảng lần thứ X, “sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được phát huy, gắn với thực hiện tự do, dân chủ theo pháp luật đã động viên các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2006: 159-160). Tiếp đó, Đại hội XI nhấn mạnh hai mặt trong công tác tôn giáo; một mặt, “tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật”. Mặt khác, kiên quyết “đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân” (Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 81). Nhà nước “bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người

theo quy định của pháp luật” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021, tập I: 272).

Như vậy, có thể khẳng định rằng, Đảng và Nhà nước Việt Nam trước sau như một, tôn trọng và bảo vệ quyền tự do của con người về mọi mặt, từ kinh tế, chính trị cho đến đời sống tinh thần, nhằm mục đích duy nhất là phát triển con người về mọi mặt; coi sự tự do của con người là động lực mạnh mẽ thúc đẩy con người hành động vì hạnh phúc của chính mình và của cả cộng đồng dân tộc. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, cần đầu tư phát triển con người một cách hiệu quả thông qua việc phát triển mạnh mẽ, ở trình độ hiện đại, các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, qua đó đảm bảo nguồn nhân lực với số lượng ngày càng đông đảo và chất lượng ngày càng cao đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa theo hướng hiện đại hóa trong kỷ nguyên dân tộc vươn mình. Đặc biệt, cần xây dựng và thực hiện chính sách phát triển và trọng dụng nhân tài vào những lĩnh vực quan trọng, không phân biệt người trong Đảng hay người ngoài Đảng; phải “có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2011: 242) như Đảng đã yêu cầu.

3. Trong bối cảnh chúng ta đang bàn về sự nhận thức đối với tự do trong lý luận phát triển con người và xã hội, trong lý luận chủ nghĩa xã hội Việt

Nam thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, hiện đại hóa trong kỷ nguyên dân tộc vươn mình, theo chúng tôi, cần đưa chữ **tự do** vào phần mục đích hay mục tiêu cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong các văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước. Bởi, việc đưa chữ **tự do** vào trong văn kiện của Đảng chính là sự khẳng định lại một lần nữa ý chí sắt đá của toàn thể dân tộc Việt Nam như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố trước toàn thể giới vào năm 1945, rằng mọi người dân Việt Nam có quyền được sống trong một đất nước thực sự độc lập và tự do.

Có ý kiến lo ngại rằng, nếu đưa chữ **tự do** vào các văn kiện chính thức của Đảng và Nhà nước thì sẽ khó kiểm soát các quan điểm phản biện, trái chiều, thậm chí không kiểm soát được các hành vi chống đối, dẫn đến nguy cơ gây rối loạn xã hội. Tuy nhiên, đó là một cách nghĩ thiên cận và hoàn toàn sai lầm. Trên thế giới ngày nay, không có bất kỳ quốc gia hay dân tộc nào mà con người được hưởng một thứ *tự do tuyệt đối, tự do vô giới hạn, tự do bất chấp luật pháp* hay *tự do nằm ngoài khuôn khổ pháp luật*. Tự do, trong mọi xã hội, đều phải được đặt trong giới hạn của pháp luật – những giới hạn được xác lập phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể, cũng như với điều kiện kinh tế - xã hội của từng quốc gia tại từng thời điểm phát triển.

Đành rằng, dân chủ và tự do bao giờ cũng nằm trong khuôn khổ của pháp luật, bị giới hạn bởi những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể và khả năng của chế độ xã hội; nghĩa là *không bao giờ có dân chủ và tự do vô bờ bến, cũng không có tự do vô chính phủ*. Tuy nhiên, nếu con người bị tước đoạt quyền tự do, thì như C.Mác đã cảnh báo, đó thực sự là “mối nguy hiểm chết người thật sự đối với con người” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 1: 99). Mối nguy hiểm đó không phải là cái chết về mặt sinh học hay thể xác, mà chính là cái chết về mặt tinh thần, là cái chết bóp nghẹt tính năng động và sự sáng tạo của con người.

Đặc biệt, cần phải thấm nhuần tư tưởng coi “tự do là sản phẩm tất yếu của sự phát triển lịch sử” để chống lại tất cả các quan điểm vô chính phủ đòi tự do vô bờ bến, tự do bất chấp pháp luật, tự do bất chấp kỷ cương, phép nước, tự do phá phách xã hội. Từ xa xưa, tự do đối với con người đã được coi như là khí trời để thở. Vì vậy, nếu con người không có tự do thật sự và không được luật pháp bảo vệ khi có những ý kiến mới mẻ, dám đổi mới và sáng tạo, thì sẽ không có động lực để hành động, sáng tạo, bộc lộ phẩm chất và cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của đất nước và nói rộng ra là cho tiến bộ của nhân loại.

Phải thừa nhận rằng, trước khi xảy

ra làn sóng sụp đổ hàng loạt của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã không tận dụng được những động lực vô cùng quan trọng là dân chủ và tự do để khơi dậy tiềm năng, khát vọng sáng tạo và cống hiến của con người nhằm góp phần phát triển đất nước mình. Việc suốt mấy thập kỷ có không ít những trí thức tầm cỡ thế giới và các nhà khoa học rất tài năng đã phải rời khỏi các nước xã hội chủ nghĩa bằng nhiều cách khác nhau để tìm kiếm môi trường phù hợp cho sự sáng tạo của bản thân, bên cạnh nguyên nhân về kinh tế, đời sống và cả những nguyên nhân khác, thì một nguyên nhân không nhỏ dẫn đến hiện tượng này chính là sự thiếu dân chủ và thiếu điều kiện đảm bảo cho tự do sáng tạo. Hiện tượng chảy máu chất xám nghiêm trọng ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô trước đây cũng bắt nguồn từ đây. Đó là bài học vô cùng đắt giá mà nhiều quốc gia đã không kịp nhận ra trước khi phải chứng kiến sụp đổ liên hoàn.

Dân chủ và tự do đối với con người trong xã hội hiện đại cũng cần thiết như khí trời trong lành để thở. Tự do là hạnh phúc lớn nhất của con người. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng tôi cho rằng, cần đưa chữ dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn lên đầu mục tiêu (hay mục đích cuối cùng) của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hai

chữ nhân văn cũng đã được ghi nhận trong Nghị quyết Trung ương 9, khóa XI “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Việc ghi nhận như vậy là cần thiết và đúng đắn. Bởi vì, dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn là những động lực cực kỳ quan trọng để khơi dậy sự sáng tạo, những sáng kiến, sự mạnh bạo trong suy nghĩ và hành động thực tiễn để mọi người có những đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp làm giàu cho bản thân, cho gia đình, cho đất nước và để cho nước mạnh, nhân dân hạnh phúc. Có dân chủ, có tự do, có công bằng và nhân văn - nghĩa là có động lực - thì tất yếu sẽ có một đất nước giàu mạnh, nhân dân hạnh phúc.

Vì vậy, theo chúng tôi, mục tiêu cuối cùng (hay mục đích cuối cùng) của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam nên được diễn đạt đầy đủ là: “dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, nước mạnh, nhân dân hạnh phúc”. Việc đưa chữ nhân văn, nhân dân hạnh phúc vào mục đích (hay mục tiêu) của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thể hiện rõ nét nhất quan điểm của Đảng và Nhà nước ta: công việc đầu tiên là công việc đối với con người, tất cả đều vì con người, đúng như lời căn dặn trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nói tóm lại, tự do vừa là bản chất, vừa là thuộc tính cốt lõi của chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng là giá trị nhân văn mà bất cứ một xã hội phát triển nào cũng đều cần hướng tới. Khi có dân chủ và tự do, con người mới có điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Với các thành tố trên đây, mục đích (hay mục tiêu) cuối cùng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đầy đủ, vì trong đó vừa bao hàm các yếu tố tạo nên động lực phát triển, vừa thể hiện ước vọng, nhu cầu chính đáng của con người và của toàn thể nhân dân Việt Nam, của toàn Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh - kể từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước cho đến khi để lại bản *Di chúc* thiêng liêng mà chúng ta đang hằng ngày cố gắng thực hiện.

Tài liệu trích dẫn

1. Aristotle. 2013. *Chính trị luận* (The Politics). Hà Nội: Nxb. Thế giới.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
3. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
4. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1994. *Toàn tập*. Tập 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
5. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 26, phần II. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1987. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2006. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

13. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

14. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 3. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

15. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

16. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 15. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

17. Plato. 2013. *Cộng hòa* (The Republic). Hà Nội: Nxb. Thế giới.